

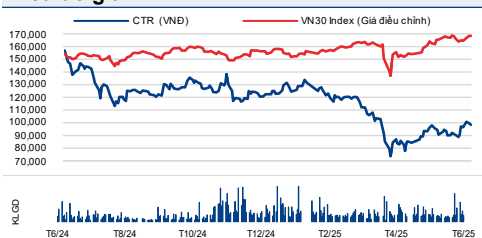
Mua vào

Giá mục tiêu: VNĐ123,000
Tiềm năng tăng/giảm: 24.9%

Giá cổ phiếu (đồng) (20/6/2025)	98,500
Mã Bloomberg	CTR VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	73,900-156,884
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	99,720
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	11,267
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	431
Slg CP lưu hành (tr.đv)	114
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	56.0
Slg CP NN được mua (tr.đv)	47.1
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	49.0%
Tỷ lệ sở hữu của NN	7.80%
Tỷ lệ freefloat	34.3%
Cổ đông lớn	Tập đoàn Viettel (65.7%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-24A	12-25F	12-26F
DT thuần (tỷ đồng)	12,610	14,355	16,458
EBITDA đc (tỷ đồng)	1,032	1,233	1,592
LNTT (tỷ đồng)	672	738	857
LNT ĐC (tỷ đồng)	403	442	513
FCF (tỷ đồng)	340	(388)	(3,09)
EPS ĐC (đồng)	3,522	3,865	4,487
DPS (đồng)	1,000	1,200	1,500
BVPS (đồng)	16,305	18,970	21,957
T.trưởng EBITDA (%)	13.4	19.5	29.1
T.trưởng EPS ĐC (%)	1.44	9.76	16.1
Tăng trưởng DPS (%)	(63.2)	20.0	25.0
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	8.18	8.59	9.67
Tỷ suất LNTT (%)	5.33	5.14	5.21
Tỷ suất LNT ĐC (%)	4.27	4.12	4.17
Tỷ lệ LN trả CT (%)	28.4	31.0	33.4
Nợ thuần/VCSH (%)	61.7	82.2	81.7
ROAE (%)	27.9	29.3	29.3
ROACE (%)	29.5	28.7	28.4
EV/doanh thu (lần)	0.88	0.83	0.73
EV/EBITDA ĐC (lần)	10.8	9.71	7.58
P/E ĐC (lần)	28.0	25.5	22.0
P/B (lần)	6.04	5.19	4.49
Lợi suất cổ tức (%)	1.02	1.22	1.52

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

Khởi đầu là đơn vị xây dựng cho Viettel, tập đoàn viễn thông số 1 tại Việt Nam, CTR hiện đã trở thành doanh nghiệp đi đầu trong lĩnh vực hạ tầng viễn thông với sự tham gia vào các mảng xây dựng, vận hành và đầu tư cho thuê hạ tầng.

Chuyên viên phân tích

Mai Đoàn Ngọc Hân

Chuyên viên phân tích cao cấp, Ngành
han.mdn@hsc.com.vn
+84 28 3823 3299

Võ Thị Ngọc Hân, CFA

Giám Đốc Cấp Cao, Ngành Công Nghiệp
han.vtn@hsc.com.vn
+84 28 3823 3299 Ext. 314

Những nội dung chính tại hội nghị: Quyết tâm giữ vững vị thế dẫn đầu

- CTR dẫn đầu thị trường towerco Việt Nam với 10.610 trạm BTS và đang vận hành hơn 50.000 trạm BTS của Viettel tính đến cuối tháng 5/2025. Công ty cũng cam kết bổ sung ít nhất 2.000 trạm BTS mới trong năm 2025, hướng đến tỷ lệ dùng chung trạm 1,2-1,3 lần trong dài hạn, nhờ kế hoạch triển khai mạng 5G/6G.
- Bất chấp áp lực cạnh tranh gia tăng, CTR vẫn tự tin vào lợi thế chiến lược của mình. Với việc Chính phủ xúc tiến thành lập một towerco dùng chung giữa các nhà mạng, CTR trở thành ứng viên có lợi thế mạnh cho các cuộc đàm phán cho kế hoạch hợp nhất này trong tương lai nhờ có cơ sở hạ tầng rộng khắp và kinh nghiệm đã được chứng minh.
- HSC duy trì khuyến nghị Mua vào và giữ nguyên giá mục tiêu 123.000đ (tiềm năng mua giá 25%).

Sự kiện: Hội nghị HSC Emerging Vietnam 2025

Tại hội nghị Emerging Vietnam 2025 do HSC tổ chức ngày 18/6/2025, BLĐ Công ty đã đưa ra những thảo luận sâu sắc về các khía cạnh chiến lược và hoạt động khác nhau bao gồm hoạt động cho thuê hạ tầng, tình hình tăng trưởng của các mảng kinh doanh, nguồn vốn và sự phát triển của ngành viễn thông Việt Nam.

Giữ vững vị trí số 1 trong ngành towerco Việt Nam

Đối với mảng cho thuê hạ tầng cốt lõi, CTR đang sở hữu 10.610 trạm BTS vào cuối tháng 5/2025, chủ yếu là các trạm BTS macro vốn được dùng cho mạng 2G/3G/4G đang được chuyển đổi để lắp thiết bị 4G/5G. Công ty cũng vận hành hơn 50.000 trạm BTS của Viettel. Do đó, CTR đang nắm giữ vị trí số 1 về số lượng trạm BTS tại Việt Nam (trong số các công ty không phải là nhà mạng) và đang tích cực mở rộng hợp tác với MobiFone, Vinaphone và các nhà mạng mới để nâng cao tỷ lệ dùng chung trạm.

Tỷ lệ dùng chung trạm hiện tại của CTR đang ở mức thấp là 1,03 lần do các chính sách vĩ mô trước đây nhưng các chính sách này đang dần thay đổi. Công ty kỳ vọng tỷ lệ dùng chung trạm sẽ cải thiện mạnh lên 1,2-1,3 lần (so với 1,6-1,7 lần tại thị trường Mỹ và Trung Quốc) trong dài hạn, phù hợp với dự báo về sự bùng nổ của mạng 5G và 6G. Điều này cho thấy sự cần thiết của việc chia sẻ cơ sở hạ tầng nhằm tránh lãng phí.

Tập đoàn Viettel có kế hoạch bổ sung 3.500 trạm BTS (macro 4G) mới vào mạng lưới BTS của mình trong năm 2025, trong đó CTR đặt mục tiêu sở hữu ít nhất 2.000 trạm. CTR đang ưu tiên tìm kiếm các địa điểm mà cả ba nhà mạng lớn có thể sử dụng để tối đa hóa doanh thu cho thuê.

Nhằm xoa dịu những lo ngại của nhà đầu tư về bối cảnh cạnh tranh, BLĐ CTR cho biết rất tự tin vào năng lực của Công ty và nhận thấy rủi ro không đáng kể đối với áp lực cạnh tranh gia tăng do MobiFone được chuyển về Bộ Công an. Việc đầu tư vào hoạt động lắp đặt trạm BTS để cạnh tranh với CTR có thể là một khoản đầu tư kém hiệu quả đối với MobiFone do cần phải có một khoản vốn đầu tư lớn để phát triển cơ sở hạ tầng 5G/6G riêng. CTR kỳ vọng rằng chia sẻ cơ sở hạ tầng sẽ là xu hướng chủ đạo trong dài hạn, và Công ty cũng đã tham gia vào hoạt động vận hành mạng lưới của MobiFone ở một số khu vực/vùng nhất định.

Việc chia sẻ cơ sở hạ tầng giữa các nhà mạng được xem là một xu hướng tất yếu trong tương lai. Xu hướng này đã được ghi nhận tại các thị trường phát triển như Trung Quốc, Úc và Mỹ. Trước đó, Bộ Thông tin và Truyền thông đã ban hành Chỉ thị số 152 khuyến khích sự hợp tác giữa các nhà mạng.

(Xem tiếp trang 2)

Mặc dù chưa có chỉ đạo chính thức nào được công bố, nhưng vào tháng 8-9/2024, Cục Viễn thông (thuộc Bộ Thông tin và Truyền thông) đã chủ trì các cuộc họp với Vinaphone, MobiFone và Viettel để thảo luận về việc thành lập một towerco dùng chung cho cả 3 nhà mạng. Với cơ sở hạ tầng và kinh nghiệm sẵn có, CTR tin rằng Công ty sẽ có vị thế vững mạnh về đàm phán để được xem xét trở thành towerco dùng chung trong tương lai.

BLĐ CTR tự tin vào sức khỏe tài chính của Công ty và tin rằng có thể tự chủ 100% vốn cho hoạt động đầu tư vào các trạm BTS mới hoặc thông qua các khoản vay ngắn hạn tùy thuộc vào thời gian hoàn vốn cụ thể của từng dự án cụ thể. Đáng chú ý, CTR không dựa vào sự bảo lãnh của Viettel nhưng vẫn được hưởng lãi suất ưu đãi nhờ uy tín và mức độ tin cậy từ thương hiệu mạnh của Công ty.

Cập nhật các mảng kinh doanh khác

Mảng xây dựng hạ tầng viễn thông

Tăng trưởng chậm hơn kỳ vọng (5 tháng đầu năm 2025: 13% so với cùng kỳ; so với mục tiêu đề ra tại ĐHCĐ năm 2025 là 15-20%) vì CTR ưu tiên quản lý dòng tiền dương và chất lượng lợi nhuận hơn là chỉ theo đuổi tăng trưởng bằng mọi giá. Đối với mảng xây dựng dân dụng B2C, CTR yêu cầu khách hàng thanh toán trước để đảm bảo dòng tiền tức thì và hiệu quả thực tế. Đối với mảng xây dựng B2B và SME, Công ty tập trung vào các dự án có tỷ suất lợi nhuận cao, chẳng hạn như biệt thự và nhà phố thương mại, và tránh các dự án nhà cao tầng do các rủi ro dòng tiền liên quan. CTR cũng đang mở rộng HĐKD của mảng xây dựng sang thị trường Úc, dự kiến sẽ có hợp đồng đầu tiên trong vài tháng tới.

Mảng giải pháp tích hợp và dịch vụ kỹ thuật

CTR khẳng định vị thế là đơn vị dẫn đầu trên thị trường điện mặt trời áp mái tại Việt Nam, bán khoảng 5-10 MW mỗi tháng cho cả khách hàng B2B và B2C. Các lợi thế chính của Công ty bao gồm hoạt động nhập khẩu trực tiếp tấm pin và bộ biến tần để tiết kiệm chi phí và đội ngũ kỹ thuật viên địa phương hùng hậu ở khắp các tỉnh thành để cung cấp các dịch vụ vận hành và bảo trì toàn diện. Công ty cũng đang mở rộng HĐKD sang phân khúc khách hàng B2B và SME bằng cách hợp tác với các quỹ đầu tư năng lượng mặt trời toàn cầu lớn để cung cấp dịch vụ kỹ thuật, mua sắm và xây dựng (EPC) và các dịch vụ vận hành và bảo trì.

Bảng CĐKT và các vấn đề khác

Bốn điểm đáng chú ý:

- Kế hoạch vốn đầu tư cho năm 2025 của CTR là 1,2 nghìn tỷ đồng, bao gồm xây dựng ít nhất 2.000 trạm BTS mới và khoảng 2.100 km cáp quang dọc theo các tuyến đường cao tốc Bắc-Nam. Tuyến cáp quang đầu tiên đã hoàn thành, và việc xây dựng các tuyến khác trong tương lai sẽ được ưu tiên dựa trên nhu cầu và hiệu quả CTR cũng đang trong quá trình đàm phán với Viettel, MobiFone, Vinaphone, FPT Corp. (FPT; Tăng tỷ trọng, Giá mục tiêu 140.600đ), và CMC Corp. (CMG; chưa khuyến nghị) để giữ khách thuê cho các tuyến cáp quang này.
- Bình luận về việc internet vệ tinh Starlink sắp có mặt tại Việt Nam, Công ty cho rằng việc đầu tư vào Starlink đòi hỏi vốn đầu tư lớn và cần phục vụ nhiều mục đích hơn là chỉ viễn thông. Tập đoàn Viettel có thể sẽ cân nhắc đầu tư vào Starlink, nhưng CTR vẫn chưa đánh giá hoặc xem xét tác động của nó đến HĐKD của chính Công ty.
- Đối với việc ngừng hoạt động mạng 2G và 3G, CTR cho rằng việc sở hữu các trạm BTS 2G/3G sẵn có là một lợi thế, vì các địa điểm này có nhu cầu nâng cấp lên hạ tầng 5G/6G cao hơn. Các trạm BTS 4G sẽ đóng vai trò là nền tảng hạ tầng cơ bản cho các dịch vụ đàm thoại, thay thế cho các trạm BTS 2G và 3G. Trong khi đó, việc lắp đặt thiết bị 5G sẽ cần các trạm BTS

macro 4G và sẽ phụ thuộc vào chính sách đầu tư và việc lựa chọn địa điểm của từng nhà mạng khác.

- Tỷ lệ sở hữu hiện tại của Tập đoàn Viettel tại CTR là 65,7%. Viettel không có kế hoạch thoái vốn thêm tại CTR. Tỷ lệ sở hữu này dự kiến sẽ không thay đổi ít nhất đến năm 2030.

Duy trì khuyến nghị Mua vào, giá mục tiêu và dự báo lợi nhuận

Triển vọng vững chắc và sự tự tin của BLĐ củng cố quan điểm tích cực của HSC đối với CTR. Chúng tôi duy trì khuyến nghị Mua vào và giữ nguyên giá mục tiêu 123.000đ (tiềm năng tăng giá 25%) và cũng giữ nguyên dự báo lợi nhuận thuần năm 2025 ở mức 591 tỷ đồng (tăng trưởng 10%) và EBITDA là 1.233 tỷ đồng (tăng trưởng 19%).

Với dự báo hiện tại, CTR đang giao dịch với P/E trượt dự phóng 1 năm là 9,8 lần, thấp hơn so với bình quân từ năm 2021 ở mức 11,1 lần.

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Doanh thu	11,370	12,610	14,355	16,458	18,474
Lợi nhuận gộp	902	884	1,080	1,256	1,436
Chi phí BH&QL	(248)	(169)	(287)	(329)	(369)
Thu nhập khác	2.82	3.98	0	0	0
Chi phí khác	(4.96)	(6.50)	(5.74)	(6.58)	(7.39)
EBIT	652	713	787	920	1,059
Lãi vay thuần	3.85	(41.1)	(49.0)	(63.3)	(70.7)
Lãi/lỗ trong Cty LD,LK	0	0	0	0	0
Lợi nhuận khác	-	-	-	-	-
LN không thường xuyên	-	-	-	-	-
LNTT	656	672	738	857	988
Chi phí thuế TNDN	(131)	(134)	(148)	(171)	(198)
Lợi ích cổ đông thiểu số	0	0	0	0	0
LNST không thường xuyên	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần	525	538	591	686	791
Lợi nhuận thuần ĐC	397	403	442	513	592
EBITDA ĐC	910	1,032	1,233	1,592	1,842
EPS (đồng)	3,472	3,522	3,865	4,487	5,173
EPS ĐC (đồng)	3,472	3,522	3,865	4,487	5,173
DPS (đồng)	2,720	1,000	1,200	1,500	2,000
Slg CP bình quân (triệu đv)	114	114	114	114	114
Slg CP cuối kỳ (triệu đv)	114	114	114	114	114
Slg CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	114	114	114	114	114

Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Tiền & tương đương tiền	819	887	739	795	723
Đầu tư ngắn hạn	1,000	854	574	658	739
Phải thu khách hàng	2,999	2,937	3,230	3,621	3,972
Hàng tồn kho	790	610	646	724	794
Các tài sản ngắn hạn khác	81.1	134	122	132	139
Tổng tài sản ngắn hạn	5,689	5,421	5,311	5,930	6,367
TSCĐ hữu hình	285	191	100	7.16	(88.8)
TSCĐ vô hình	0	0	0	0	0
Bất động sản đầu tư	829	1,223	2,268	2,510	2,531
Đầu tư dài hạn	153	252	252	252	252
Đầu tư vào Cty LD,LK	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	35.7	19.7	22.5	25.7	28.9
Tổng tài sản dài hạn	1,302	1,685	2,642	2,794	2,722
Tổng cộng tài sản	6,991	7,106	7,954	8,724	9,090
Nợ ngắn hạn	1,196	1,052	1,148	1,317	1,108
Phải trả người bán	581	608	718	823	924
Nợ ngắn hạn khác	1,987	2,388	2,351	2,351	2,351
Tổng nợ ngắn hạn	4,602	4,653	4,911	5,275	5,258
Nợ dài hạn	378	573	872	938	957
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	0	0	0	0	0
Nợ dài hạn khác	14.7	15.3	0	0	0
Tổng nợ dài hạn	392	588	872	938	957
Tổng nợ phải trả	4,994	5,241	5,784	6,213	6,215
Vốn chủ sở hữu	1,997	1,865	2,170	2,512	2,874
Lợi ích cổ đông thiểu số	0	0	0	0	0
Tổng vốn chủ sở hữu	1,997	1,865	2,170	2,512	2,874
Tổng nợ phải trả và VCSH	6,991	7,106	7,954	8,724	9,090
BVPS (đ)	17,456	16,305	18,970	21,957	25,130
Nợ thuần/(tiền mặt)	755	738	1,281	1,459	1,342

Báo cáo LCTT (tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
EBIT	652	713	787	920	1,059
Khấu hao	(258)	(319)	(445)	(671)	(783)
Lãi vay thuần	3.85	(41.1)	(49.0)	(63.3)	(70.7)
Thuế TNDN đã nộp	(57.7)	(116)	(148)	(171)	(198)
Thay đổi vốn lưu động	(195)	465	(129)	(274)	(229)
Khác	96.6	(133)	110	(265)	(281)
LCT thuần từ HKKD	573	1,141	1,012	817	1,058
Đầu tư TS dài hạn	(483)	(801)	(1,400)	(820)	(708)
Góp vốn & đầu tư	(2,222)	(1,651)	0	0	0
Thanh lý	0	1.11	0	0	0
Khác	2,546	1,850	(2.73)	(3.29)	(3.15)
LCT thuần từ HĐĐT	(159)	(600)	(1,403)	(823)	(711)
Cổ tức trả cho CSH	(117)	(525)	(137)	(172)	(229)
Thu từ phát hành CP	0	0	0	0	0
Tăng/giảm nợ	108	51.4	396	234	(189)
Khác	0	0	(15.3)	0	0
LCT thuần từ HĐTC	(9.31)	(474)	243	62.2	(418)
Tiền & tương đương tiền đầu kì	414	819	887	739	795
LCT thuần trong kỳ	404	66.8	(148)	55.8	(71.7)
Ảnh hưởng của tỷ giá	-	-	-	-	-
Tiền & tương đương tiền cuối kì	818	885	739	795	723
Dòng tiền tự do	89.7	340	(388)	(3.09)	350

Các chỉ số tài chính	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Chỉ số hoạt động					
Tỷ suất LN gộp (%)	7.93	7.01	7.53	7.63	7.77
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	8.01	8.18	8.59	9.67	9.97
Tỷ suất LNT (%)	4.61	4.27	4.12	4.17	4.28
Thuế TNDN hiện hành (%)	20.0	19.9	20.0	20.0	20.0
Tăng trưởng doanh thu (%)	20.1	10.9	13.8	14.7	12.2
Tăng trưởng EBITDA ĐC (%)	17.6	13.4	19.5	29.1	15.7
Tăng trưởng LNT ĐC (%)	1.79	1.44	9.76	16.1	15.3
Tăng trưởng EPS (%)	1.79	1.44	9.76	16.1	15.3
Tăng trưởng EPS ĐC (%)	1.79	1.44	9.76	16.1	15.3
Tăng trưởng DPS (%)	(6.82)	(63.2)	20.0	25.0	33.3
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	78.4	28.4	31.0	33.4	38.7
Chỉ số lợi nhuận					
ROAE (%)	28.9	27.9	29.3	29.3	29.4
ROACE (%)	30.3	29.5	28.7	28.4	29.1
Vòng quay tài sản (lần)	1.74	1.79	1.91	1.97	2.07
Tiền mặt HD/EBIT (lần)	0.88	1.60	1.29	0.89	1.00
Số ngày tồn kho	27.5	19.0	17.8	17.4	17.0
Số ngày phải thu	105	91.4	88.8	86.9	85.1
Số ngày phải trả	20.3	18.9	19.7	19.8	19.8
Cơ cấu vốn					
Nợ thuần*/VCSH (%)	70.9	61.7	82.2	81.7	70.5
Nợ/tài sản (%)	32.0	28.7	31.7	32.6	30.2
EBIT/lãi vay (lần)	N/a	17.4	16.1	14.5	15.0
Nợ/EBITDA (lần)	2.45	1.97	2.05	1.79	1.49
Chỉ số TT hiện thời (lần)	1.24	1.17	1.08	1.12	1.21
Định giá					
EV/doanh thu (lần)	0.97	0.88	0.83	0.73	0.64
EV/EBITDA ĐC (lần)	12.1	10.8	9.71	7.58	6.44
P/E (lần)	28.4	28.0	25.5	22.0	19.0
P/E ĐC (lần)	28.4	28.0	25.5	22.0	19.0
P/B (lần)	5.64	6.04	5.19	4.49	3.92
Lợi suất cổ tức (%)	2.76	1.02	1.22	1.52	2.03

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
 Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2021.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

HSC có thể sử dụng các nghiên cứu trong báo cáo này cho hoạt động mua bán chứng khoán tự doanh hoặc mua bán chứng khoán cho các quỹ mà HSC đang quản lý. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo những gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên gia phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch chứng khoán trái ngược với ý kiến tư vấn và quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Nhân viên của HSC có thể có lợi ích tài chính ở những chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ có liên quan. HSC có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập đến trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 5 & 6, Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Quận 1, TPHCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn